

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày 26 /11/2025 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	5.319.870	1.830.947	3.136.846	500	1.000	129.778	220.799	0			0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	3.548.661	1.830.947	3.109.392	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Văn phòng Tỉnh ủy	74.573		74.573								
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	32.608		32.608								
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	53.416		53.416								
4	Sở Khoa học và Công nghệ	50.051		50.051								
5	Sở Nội vụ	87.157		87.157								
6	Sở Tài chính	51.671	18.000	33.671								
7	Sở Xây dựng	132.950		132.950								
8	Sở Công thương	25.146		25.146								
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	134.771		134.771								
10	Sở Tư pháp	13.577		13.577								
11	Sở Ngoại vụ	14.288		14.288								
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	455.869		455.869								
13	Sở Y tế	633.133		633.133								
14	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch	92.705		92.705								
15	Ban QL khu kinh tế tỉnh	11.556		11.556								
16	Văn phòng Ban An toàn giao thông	3.280		3.280								
17	Sở Dân tộc và Tôn giáo	7.334		7.334								
18	Thanh tra tỉnh	30.424		30.424								
19	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	60.723	6.000	54.723								
20	Đài Phát thanh Truyền hình	56.616		56.616								
21	Ban QL Trung tâm hành chính - chính trị tỉnh	29.696		29.696								
22	Trường Chính trị tỉnh	10.355		10.355								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Trường Cao đẳng Lai Châu	58.461		58.461								
24	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	65.336	56.550	8.786								
25	Bảo Hiểm xã hội tỉnh	414.800		414.800								
26	Viện kiểm sát	300		300								
27	Tòa án nhân dân	300		300								
28	Cục Thi hành án Dân sự	200		200								
29	Công ty TNHH Một thành viên quản lý thủy nông	16.129		16.129								
30	Công ty cổ phần cao su Dầu tiếng Lai Châu	400		400								
31	Công ty cổ phần cao su Lai Châu	7.550		7.550								
32	Công ty cổ phần cao su Lai Châu II	1.227		1.227								
33	Thuê tỉnh Lai Châu	500		500								
34	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông		1.144.809									
35	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT		115.000									
36	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và CN		31.869									
37	Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lai Châu		100.000									
38	Phân bổ chi tiết sau	692.466	358.719	333.747								
-	Dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh (Bao gồm kinh phí thực hiện chính sách tỉnh giản biên chế theo Nghị định số 2154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ)	97.229		97.229								
-	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ	186.246		186.246								
-	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	10.831		10.831								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Lai Châu theo Kế hoạch số 331-KH/TU, ngày 09/4/2025 (Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy)	20.570		20.570								
-	Nguồn thu xổ số kiến thiết	25.500	25.500									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	84.161	84.161									
-	Đối ứng để thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư các trường liên cấp các xã biên giới	53.450	53.450									
-	Đối ứng các chương trình MTQG	75.000	75.000									
-	Các dự án chuẩn bị đầu tư	14.608	14.608									
-	Các Đề án, chương trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, các nhiệm vụ phát sinh khác	90.000	90.000									
-	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2026	10.000	10.000									
-	Bội chi	6.000	6.000									
-	Chi bổ sung có mục tiêu: Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng	4.871		4.871								
-	Chi bổ sung có mục tiêu: Hỗ trợ từ vốn nước ngoài	14.000		14.000								
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	500	0	0	500	0	0	0	0	0	0	
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	1.000	0	0	0	1.000	0	0	0	0	0	
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	129.778	0	0	0	0	129.778	0	0	0	0	
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	220.799	0	0	0	0	0	220.799	0	0	0	

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	27.454		27.454								